VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018
ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 449 + 450)

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
614	Validamycin (Validamycin A) (min 40%)	Anlicin 3SL, 5WP, 5SL	**3SL, 5WP:** khô vằn/lúa **5SL:** khô vằn/lúa; nấm hồng/cà phê, cao su	Công ty TNHH An Nông
		Asiamycin super 100SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Avalin 3SL, 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông

		Biovacare 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Damycine 3SL, 5WP, 5SL	**3SL:** khô vằn/lúa; lở cổ rễ/rau cải; thối rễ/cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/cà chua, khoai tây, dưa chuột, lạc, ngô; nấm hồng/cao su **5SL, 5WP:** khô vằn/lúa, lở cổ rễ/rau cải; thối rễ/cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/cà chua, khoai tây, lạc, dưa chuột; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Duo Xiao Meisu 3SL, 5SL, 5WP	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Fubarin 20WP	Khô vằn/lúa; lở cổ rễ/đậu tương, lạc; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
		Haifangmeisu 3SL, 5SL, 5WP, 10WG	**3SL:** khô vằn/lúa, chết cây con/dưa hấu **5SL:** nấm hồng/cao su, khô vằn/lúa, chết cây con/ dưa hấu **5WP:** khô vằn/lúa **10WG:** khô vằn/lúa, chết cây con/dưa hấu	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Javidacin 5SL, 5WP	**5SL:** khô vằn/lúa; nấm hồng/cao su **5WP:** khô vằn/lúa; lở cổ rễ/cà chua	Công ty TNHH Việt Đức
		Jinggang meisu 3SL, 5SL, 10WP	**3SL:** khô vằn/lúa **5SL, 10WP:** khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty CP Nicotex
		Limycin 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		Natistar 51WG, 100SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
		Navalilusa 3SL, 5SL, 5WP, 10WP	Khô vằn/lúa; chết ẻo cây con/ớt, bắp cải, thuốc lá, dưa hấu	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

		Pinkvali 3SL, 5SL, 50WP	**3SL, 50WP:** lở cổ rễ/cà chua, khô vằn/lúa **5SL:** nấm hồng/cao su, đốm vằn/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Qian Jiang Meisu 3SL, 5SL, 5WP, 80SL, 240SL	**3SL:** Nấm hồng/cao su, khô vằn/lúa **5WP, 240SL:** khô vằn/lúa **5SL:** lở cổ rễ/đậu tương; nấm hồng/cà phê, cao su; khô vằn/lúa **80SL:** lở cổ rễ/dưa hấu; khô vằn /lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Romycin 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP TST Cần Thơ
		Tidacin 3SC, 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Top-vali 3SL, 5SL	**3SL:** khô vằn/lúa **5SL:** mốc hồng/cà phê, cao su; khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX ND vi sinh Viguato
		Tung vali 3SL, 5SL, 5WP	**3SL, 5SL:** khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/cà phê **5WP:** khô vằn/lúa, lở cổ rễ/rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vacin 1.5SL, 5SL	**1.5SL:** khô vằn/lúa **5SL:** Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH ADC
		Vacinmeisu 50WP, 50SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Vacony 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Vacocin 3SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Vali 3SL, 5SL	**3SL:** khô vằn/lúa, lở cổ rễ/đậu **5SL:** khô vằn/lúa, lở cổ rễ/đậu, nấm hồng/cà phê, cao su	Công ty CP Nông dược HAI

		Valicare 5WP, 8SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Validad 100SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
		Vali TSC 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Lion Agrevo
		Vali-navi 5SL, 8SL, 24SL	**5SL, 8SL:** Nấm hồng/cao su, khô vằn/lúa **24SL:** Khô vằn/lúa	Công ty CP Khử Trùng Nam Việt
		Validacin 3SL, 5SL	**3SL:** khô vằn/lúa; mốc hồng/cao su, cà phê **5SL:** khô vằn/lúa, đổ ngã cây con/rau, mốc hồng/cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Validan 3SL, 5SL, 5WP	**3SL:** khô vằn/lúa, ngô **5SL:** nấm hồng/cao su; khô vằn/lúa, ngô; chết cây con/dưa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu côve **5WP:** khô vằn/lúa, ngô; chết cây con/dưa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu côve	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Valijapane 3SL, 5SL, 5SP	Nấm hồng/cao su; khô vằn/lúa; lở cổ rễ/lạc, đậu tương, cà phê, bông vải	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Valitigi 3SL, 5SL	**3SL:** khô vằn/lúa **5SL:** bệnh do Rhizoctonia solani gây ra/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Valigreen 30SL, 50SL, 50WP	Khô vằn/lúa, ngô; nấm hồng/cao su; khô cành/cà phê; thối gốc/khoai tây; lở cổ rễ/bắp cải, bí xanh, đậu đũa, lạc, cà chua	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Valivithaco 3SC, 3SL, 5SL, 5SC, 5WP	**3SC:** khô vằn/lúa; nấm hồng/cà phê, cao su; lở cổ rễ/cà chua, bắp cải, rau cải; khô vằn/ngô **3SL, 5SL:** khô vằn/lúa, ngô; nấm hồng/cao su, cà phê; thán thư/nhãn, vải; lở cổ rễ/thuốc lá, thuốc lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải	Công ty TNHH Việt Thắng

			5WP: khô vằn/ngô, lúa; thán thư/nhãn, vải; lở cổ rễ/thuốc lá, thuốc lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải **5SC:** khô vằn/lúa, bệnh chết ẻo/rau cải; nấm hồng/ cà phê, cao su; lở cổ rễ/cà chua, bắp cải, rau cải; khô vằn/ngô	
		Valinhut 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Vallistar 3SL, 5SL, 5WP, 10WP	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Valygold 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Vamylicin 5SL, 5WP	**5WP:** khô vằn/lúa; lở cổ rễ/bắp cải **5SL:** nấm hồng/cao su, khô vằn/lúa; lở cổ rễ/bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Villa-fuji 50SL, 100SL	**50SL:** Nấm hồng/cao su; khô vằn/lúa **100SL:** Lở cổ rễ/lạc, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Vanicide 3SL, 5SL, 5WP, 150WP	**3SL:** lở cổ rễ/cà chua **5SL:** khô vằn/lúa, thối gốc/khoai tây, nấm hồng/cao su, lở cổ rễ/cà chua **5WP:** khô vằn/lúa, ngô; lở cổ rễ/cà chua **150WP:** thắt cổ rễ/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Varison 5WP	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Sơn Thành
		Vida(R) 3SC, 5WP	**3SC:** khô vằn/lúa, thối (gốc, rễ)/rau **5WP:** khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		V-cin 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Sundat (S) PTe Ltd
		Vivadamy 3SL, 5SL, 5SP	**3SL:** khô vằn/lúa **5SP:** khô vằn/lúa, mốc hồng/cao su **5SL:** khô vằn/lúa, mốc hồng/cao su, nấm hồng/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

		Voalyđacyn - nhật 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Yomivil 108SC, 115WG	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
615	Zineb	Bp-nhepbun 800WP	Thán thư/dưa hấu	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Guinness 72WP	Phấn trắng/nho, cà chua	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Tigineb 80WP	Mốc sương/cà chua, thối quả/cây có múi	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Zinebusa 800WP	Đốm vòng/cà chua	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Zin 80WP	Mốc sương/khoai tây, mốc xanh/thuốc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Zineb Bul 80WP	Mốc sương/khoai tây, đốm vòng/cà chua, lem lép hạt/lúa, sẹo/cam, phấn trắng/nho	Agria SA, Bulgaria
		Zinacol 80WP	Rụng lá/cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Zinforce 80WP	Lem lép hạt/lúa, thán thư/dưa hấu	Forward International Ltd
		Zithane Z 80WP	Thối quả/nho, sương mai/cà chua	Công ty CP BVTV I TW
		Zodiac 80WP	Đốm nâu/lúa, mốc sương/cà chua	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
616	Ziram	Ziflo 76WG	Đốm vòng/cà chua; thán thư/xoài, dưa hấu; vàng lá/lúa, thán thư/cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
617	Zhongshenmycin (min 95%)	Map strong 3WP	Bạc lá/lúa; héo xanh/cà chua	Map Pacific PTE Ltd

3. Thuốc trừ cỏ:				
1	Acetochlor (min 93.3%)	Acepro 50EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Futai
		Acetad 900EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
		Acvipas 50EC	Cỏ/ngô, mía	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Alibom 500EC	Cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Antaco 500EC	Cỏ/lạc, sắn, ngô, mía, hành	Công ty TNHH Việt Thắng
		Antacogold 500EC	Cỏ/ngô, sắn, lạc	Công ty TNHH TM - DV Ánh Dương
		Atabar 800EC	Cỏ/ngô, lạc, mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Atas 500EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Atasco 500EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
		Bpsaco 500EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Capeco 500EC	Cỏ/sắn, lạc, ngô, mía	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Cochet 200WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Dibstar 50EC	Cỏ/đậu tương, ngô, bông vải, lạc, sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Gorop 500EC	Cỏ/ngô, đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Herbest 50EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
		Iaco 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Kỹ thuật Dohaledusa
		Jia-anco 50EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kamaras 50EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP VTNN Việt Nông
		Nistar 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty Cổ phần Nicotex
		Missusa 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Peso 480EC	Cỏ/lạc, mía, sắn, ngô	Công ty CP Hóc Môn
		Pestcetor 900EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Xây dựng An Phú
		Safe-co 50EC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Saicoba 500EC, 800EC	**500EC:** cỏ/sắn, mía, lạc, ngô **800EC:** cỏ/ngô, sắn, lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Starco 500EC	Cỏ/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tropica 900EC	Cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Valux 500 EC	Cỏ/sắn	Công ty CP Nông nghiệp HP
2	Acetochlor 12% + Bensulfuron Methyl 2%	Beto 14WP	Cỏ/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

3	Acetochlor 145g/kg + Bensulfuron Methyl 25g/kg	Afadax 170WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
4	Acetochlor 14.6% + Bensulfuron Methyl 2.4%	Acenidax 17WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Arorax 17WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
5	Acetochlor 146 g/kg + Bensufuron methyl 24g/kg	Bpanidat 170WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH TM Bình Phương
6	Acetochlor 210g/kg + Bensulfuron Methyl 40g/kg	Aloha 25WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
7	Acetochlor 14.0% + Bensulfuron Methyl 0.8% + Metsulfuron Methyl 0.2%	Natos 15WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
8	Acetochlor 200 g/kg + Bensulfuron Methyl 45g/kg + Metsulfuron methyl 5g/kg	Alphadax 250WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
9	Acetochlor 16% (500g/l) + Bensulfuron Methyl 1.6% (0.3g/l) + Metsulfuron Methyl 0.4% (0.2g/l)	Sarudo 18WP, 500.5EC	**18WP:** cỏ/lúa cấy **500.5EC:** cỏ/sắn, lạc	Công ty TNHH An Nông
10	Acetochlor 160g/kg + Bensulfuron Methyl 16g/kg + Metsulfuron Methyl 4g/kg	Sun- like 18WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
11	Acetochlor 470g/l + Butachlor 30g/l	Rontatap 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

12	Acetochlor 180g/kg (450g/l), (505g/l) (10g/l) + Metolachlor 15g/kg (5g/l), (10g/l), (725g/l)	Duaone 195WP, 455EC, 515EC, 735EC	**195WP:** cỏ/lúa cấy **455EC, 515EC, 735EC:** cỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
13	Acetochlor 415 g/l (410g/l) + Oxyfluorfen 15g/l (40g/l)	Catholis 43EC, 450EC	Cỏ/lạc	Công ty CP BVTV I TW
14	Acetochlor 15 g/l + Pretilachlor 285 g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Nomefit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
	Acetochlor 490 g/l + Pretilachlor 10 g/l	Nomefit 500EC	Cỏ/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
15	Acetochlor 160g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 40g/kg	Blurius 200WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
16	Ametryn (min 96%)	Amesip 80WP	Cỏ/mía, ngô	Forward International Ltd
		Ametrex 80WP, 80WG	Cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Amet annong 500FW, 800WP	**500FW:** cỏ/mía, cà phê **800WP:** cỏ/mía	Công ty TNHH An Nông
		Ametsuper 80WP	Cỏ/mía, ngô	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Asarin 800WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH Việt Thắng
		Atryl 80WP	Cỏ/ngô, mía	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Gesapax® 500SC	Cỏ/mía	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Slimgold 510SC, 810WP	Cỏ/mía	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

17	Ametryn 40% + Atrazine 40%	Atramet Combi 80WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Metrimex 80WP	Cỏ/mía	Forward International Ltd
18	Ametryn 400g/kg + Atrazine 400g/kg	Animex 800WP	Cỏ/ngô, mía	Công ty CP Nicotex
		Aviator combi 800WP	Cỏ/mía	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Wamrincombi 800WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH Việt Thắng
19	Ametryn 40% + MCPA - Sodium 8%	Solid 48WP	Cỏ/mía	Công ty CP Nicotex
20	Ametryn 30% + Simazine 50%	T-P.Metsi 80WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH TM Thái Phong
21	Atrazine (min 96%)	Agmaxzime 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Amex gold 800WP	Cỏ/mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atamex 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Atra 500SC	Cỏ/mía, ngô	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Atra annong 500FW, 800WP	**500FW:** cỏ/mía, ngô **800WP:** cỏ/ngô	Công ty TNHH An Nông
		Atraco 500SC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Atranex 80WP	Cỏ/mía, ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam

		A-zet 80WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Catrazin 800WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
		Destruc 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Many 800WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH BMC
		Maizine 80WP	Cỏ/ngô, mía	Forward International Ltd
		Mizin 50WP, 80WP, 500SC	**50WP:** cỏ/ngô **80WP:** cỏ/mía, ngô **500SC:** cỏ/ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Nitrazin 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Nicotex
		Sanazine 500SC	Cỏ/mía, ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Wamrin 500SL, 800WP	**500SL:** Cỏ/ngô, mía **800WP:** Cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Zimizin 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược Việt Thành
22	Atrazine 250g/l + Mesotrione 25g/l	Calaris Xtra® 275SC	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
23	Atrazine 120g/l + Mesotrione 32g/l + S-metolachlor 320g/l	Lumax 472SE	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
24	Atrazine 500g/kg + Nicosulfuron 10g/kg	Map hope 510WP	Cỏ/ngô	Map Pacific PTe Ltd
25	Atrazine 300g/l + Sulcotrione 125g/l	Topical 425SC	Cỏ/ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng

26	Bensulfuron Methyl (min 96%)	Beron 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bensurus 10WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Furore 10WP, 10WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Loadstar 10WP, 60WG, 60WP	**10WP:** cỏ/lúa gieo thẳng **60WG, 60WP:** cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mullai 100WP, 100WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Rorax 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sharon 100WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sulzai 10WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
27	Bensulfuron Methyl 12% + Bispyribac-sodium 18%	Honixon 30WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
28	Bensulfuron Methyl 0.16g/kg + Butachlor 3.04g/kg	Apoger 3.2GR	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Chuyển giao tiến bộ KTNN Nicotex
		Apogy 3.2GR	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		One-tri 3.2GR	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH BMC
29	Bensulfuron Methyl 1.5% + Butachlor 28.5% + Chất an toàn Fenclorim 10%	Bé bụ 30WP, 30SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn

30	Bensulfuron Methyl 100g/kg + Cyhalofop butyl 50g/kg + Quinclorac 300g/kg	Haly super 450WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
31	Bensulfuron Methyl 108g/kg (1g/l), (63g/kg), (105g/kg) (55g/kg), 55g/l + Cyhalofop Butyl 1g/kg (1g/l), (1g/kg), (50g/kg), (200g/kg), 105g/l + Quinclorac 10g/kg (255g/l), (343g/kg), (305g/kg), (305g/kg), 200g/l	Topsuper 119WP, 257SC, 407WP, 460WP, 560WP, 360SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
32	Bensulfuron Methyl 2% + Mefenacet 66%	Danox 68WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
33	Bensulfuron Methyl 30g/kg + Mefenacet 500g/kg	Acocet 53WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Nông
34	Bensulfuron Methyl 9% (4%), (3%) + Mefenacet 1% (46%), (50%)	Wenson 10WP, 50WP, 53WP	**10WP:** cỏ/lúa cấy **50WP:** cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng **53WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
35	Bensulfuron Methyl 4% + Pretilachlor 36%	Queen soft 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh - Rê
36	Bensulfuron Methyl 0.7% + Pyrazosulfuron Ethyl 9.3%	Cetrius 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
37	Bensulfuron Methyl 5g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 95g/kg	Sirafb 100WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
38	Bensulfuron Methyl 10g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/kg	Rus-Sunri 110WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng

39	Bensulfuron methyl 0.25g/kg (40g/kg) + Pretilachlor 1.75g/kg (360g/kg)	Droper 2GR, 400WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BMC
40	Bensulfuron Methyl 3.5% + Propisochlor (min 95%) 15%	Fenrim 18.5WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
		Fitri 18.5WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Pisorim 18.5WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Vitarai 18.5WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
41	Bensulfuron Methyl 40g/kg + Propisochlor 160g/kg	Gradf 200WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
42	Bensulfuron Methyl 3% (30g/kg) + Quinclorac 33% (330g/kg)	Cow 36WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sifata 36WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Tempest 36WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
43	Bensulfuron Methyl 4% + Quinclorac 28%	Quinix 32WP	Cỏ/lúa	Công ty CP Nicotex
44	Bensulfuron Methyl 6% + Quinclorac 34%	Ankill A 40WP, 40SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
45	Bensulfuron Methyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Flaset 400WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn

46	Bensulfuron Methyl 90g/l + Quinclorac 450g/l	Newnee 540SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
47	Bensulfuron methyl 7% + Quinclorac 33%	Laphasi 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
48	Bensulfuron methyl 30g/kg (5%) + Quinclorac 330g/kg, (40%)	Subrai 36WP, 45WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
49	Bensulfuron methyl 95g/kg (7g/kg) + Quinclorac 5g/kg (243g/kg)	Rocet 100WP, 250SC	**100WP:** cỏ/lúa cấy **250SC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
50	Bensulfuron methyl 40g/kg + Quinclorac 560g/kg	Mizujapane 600WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
51	Bentazone (min 96%)	Basagran 480SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
52	Bentazone 10% + Quinclorac 20%	Zoset 30SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
53	Bentazone 200g/l + Cyhalofop butyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Startup 450SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
54	Benazolin-ethyl (min 95%) 300g/l + Quizalofop-P-ethyl 50g/l	Shootbis 350EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
55	Benzobicylon (min 97%)	Ang.tieuco 300SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
56	Bispyribac-sodium (min 93%)	Camini 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Danphos 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Domino 20WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Faxai 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp Asean Gold
		Horse 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Jianee 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Lanina 100SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Maxima 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Newmilce 100SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixon 20WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nofami 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Nomeler 100SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Nominee 10SC, 100OF	**10SC:** cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng **100OF:** cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nonee-cali 10WP, 100SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc
		Nonider 10SC, 30WP, 130WP	**10SC, 130WP:** cỏ/lúa gieo thẳng **30WP:** cỏ/lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sipyri 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Somini 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Sunbishi 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
		Superminee 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
57	Bispyribac-sodium 100g/l + Cyhalofop butyl 200 g/l	TTBye 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
58	Bispyribac-sodium 100g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 50g/l	Morclean 150SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
59	Bispyribac-sodium 40g/l + Metamifop 100g/l	Shishi 140SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
60	Bispyribac-sodium 50g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/l	Nomesuper 150SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc.
61	Bispyriba-sodium 130g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 70g/kg	Nomirius super 200WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
62	Bispyribac-sodium 70g/l + Quinclorac 180g/l	Supecet 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
63	Bispyribac-sodium 20g/l + Quinclorac 250g/l	Newday 270SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ hóa chất Nhật Bản Kasuta
64	Bispyribac-sodium 70g/kg + Quinclorac 430 g/kg	Supernee 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc.
65	Bispyribac-sodium 15g/l + Thiobencarb 900 g/l	Bisben 915 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
66	Bispyribac-sodium 20g/l + Thiobencarb 600g/l	Bêlêr 620 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
67	Bromacil (min 95%)	DuPont™ Hyvar® - X 80WP	Cỏ/cây có múi, dứa, vùng đất hoang	DuPont Vietnam Ltd
68	Butachlor 27% + Chất an toàn Fenclorim 0.2%	B.L.Tachlor 27WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

69	Butachlor (min 93%)	B.L.Tachlor 27WP, 60EC	**27WP:** cỏ/lạc, lúa cấy **60EC:** cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Butan 60EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Butanix 60EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng; cỏ/lạc	Công ty CP Nicotex
		Butavi 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy, mạ	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Butoxim 5GR, 60EC	Cỏ/lúa, cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dibuta 60EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietcomam 65EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Echo 60EC, 60EW	**60EC:** cỏ/lúa **60EW:** cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH TM Phát An
		Forwabuta 5GR, 32EC, 60EC	Cỏ/lúa	Forward International Ltd
		Heco 600 EC	Cỏ/lúa, lạc, mía, đậu tương	Công ty CP BVTV I TW
		Kocin 60 EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Lambast 5GR, 60EC	Cỏ/lúa	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Machete 5GR, 60EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Meco 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

		Michelle 5GR, 32EC, 62EC	Cỏ/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Saco 600EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Super - Bu 5BR, 60EC	**5BR:** cỏ/lúa cấy **60EC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Taco 600EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tico 60EC	Cỏ/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vibuta 5GR, 32EC, 62EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
70	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Burn-co 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Sabuta 600EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sieunee 600EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Cali - Parimex. Inc.
		Trabuta 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
71	Butachlor 620g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Miceo 620EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
72	Butachlor 320g/l + chất an toàn Fenclorim 50g/l	Butafit 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
73	Butachlor 30g/l + Cyhalofop butyl 315g/l	Beeco 345EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
74	Butachlor 400g/l + Penoxsulam 10g/l	Rainbow™ 410SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V

75	Butachlor 30g/l + Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Newfit 330EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
76	Butachlor 50 g/l + Pretilachlor 300 g/l + chất an toàn Fenclorim 100 g/l	Newrofit 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Omegafit 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Topfit one 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Xofisasia 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP TM & ĐT Bắc Mỹ
77	Butachlor 20g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Sofigold 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
	Butachlor 270g/kg (365g/l) + Pretilachlor 1g/kg (10g/l)	Sofigold 271WP, 375EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
78	Butachlor 90g/l + Pretilachlor 280g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	NewYorkFit-Usa 370EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
79	Butachlor 100g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Tacogold 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
80	Butachlor 270g/l (50g/l), (1g/l), (400g/l), (241g/l), (602g/l) + Pretilachlor 1g/l (300g/l), (1g/l), (10g/l), (10g/l), (10g/l) + Propanil 1g/l (5g/l), (506g/l), (200g/l), (350g/l), (10g/l)	Tecogold 272WP, 355EC, 508SC, 610EC, 601EC, 622EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

81	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l	Butanil 55EC	Cỏ/lúa	Sinochem International (Oversea) Pte Ltd.
		Butapro 550EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Cantanil 550EC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Danator 55EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Pataxim 55EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Platin 55EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Probuta 550EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
82	Butachlor 250g/l + Propanil 350g/l	Topbuta 600EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
83	Butachlor 350g/l + Propanil 350g/l	Soon 70EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
84	Butachlor 275 g/l (600g/l) + Propanil 275 g/l (50g/l)	Mototsc 550EC, 650EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
85	Butachlor 40% + Propanil 20%	Vitanil 60EC	Cỏ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
86	Butachlor 600 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 35g/l	Trisacousamy 635EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
87	Cinosulfuron (min 92%)	Cinorice 25WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh

88	Clethodim (min 91.2%)	Cledimsuper 250EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH An Nông
		Select 12EC, 240EC	**12EC:** cỏ/lạc, đậu tương **240EC:** cỏ/lạc, đậu tương, sắn, vừng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Xeletsupe 24EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH - TM ACP
		Wisdom 12EC	Cỏ/lạc, đậu tương, cỏ/sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
89	Clomazone (min 88%)	Command 36ME, 48EC	**36ME:** cỏ/lúa **48EC:** cỏ/lúa gieo thẳng	FMC Agricultural Products Interational AG
		Akina 48EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Asiagro Pacific Ltd
90	Clopyralid (min 95%)	TĐK_clopy 350SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV Lucky
91	Cyhalofop-butyl (min 97%)	Anlicher 10EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong 10 EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Bangbang 10EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Bonzer 10EC, 200EC, 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Clear Chor 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Clincher 10EC, 200EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
		Cybu 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Cyhany 250EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến

		Elano 20EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Farra 100EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
		Figo 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Incher 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Koler 10EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Liana 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Linchor 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Linhtrơ 100EC, 200EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixcher 100ME, 200EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Slincesusamy 100EC, 200EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tacher 250EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Topcyha 110EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Topco 200EC, 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
92	Cyhalofop butyl 10g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Motin.tsc 25EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
93	Cyhalofop butyl 315g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Super soil 345WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

94	Cyhalofop Butyl 50g/l (300g/l) + Ethoxysulfuron 20g/l (30g/l)	Supershot 70OD, 330OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
95	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Linchor's 115EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
96	Cyhalofop-butyl 100g/l (300g/l) + Ethoxysulfuron 15g/l (30g/l)	Coach 115EC, 330EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
97	Cyhalofop-butyl 100g/l, (330g/l), (330g/kg) + Ethoxysulfuron 15g/l (3g/l), (3g/kg)	Mortif 115EC, 333OD, 333WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
98	Cyhalofop-butyl 300g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Laroot 330WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
99	Cyhalofop-butyl 300g/l + Ethoxysulfuron 30g/l	Bushusa 330EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp Asean Gold
		Push 330EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
100	Cyhalofop Butyl 100g/l (170g/kg) + Ethoxysulfuron 10g/l (30g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (100g/kg) + Quinclorac 190g/l (500g/kg)	Sieuco 350SC, 800WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
101	Cyhalofop butyl 90g/l + Ethoxysulfuron 20g/l + Quinclorac 190 g/l	SupertopJapane 300OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

102	Cyhalofop-butyl 100g/l (50g/l) + 5g/l (5g/l) Ethoxysulfuron + 50g/l (120g/l) Quinclorac	Topone 155SE, 175SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
103	Cyhalofop butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5 g/l + Quinclorac 55 g/l	Fasta 160SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
104	Cyhalofop-butyl 50g/l + Penoxsulam 10g/l	Andoshop 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong plus 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Calita 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Cleanshot 6OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Clinclip 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Long Hiệp
		Clinton 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông tín AG
		Comprise 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
		Compass 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Cypen 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Linchor top 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Mundo-Super 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Điền Thạnh
		Pymeny 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến

		Stopusamy 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topgold 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Topmost 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Topmy 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Rotam Asia Pacific Limited
		Topnhat 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Topshot 60OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
105	Cyhalofop butyl 100g/l + Penoxsulam 10g/l	Topvip 110OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
106	Cyhalofop-butyl 150g/l + Oxaziclomefone (min 96.5%) 150 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/l	Nosotco 400SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
107	Cyhalofop butyl 55g/l (65g/l) + Penoxsulam 10g/l (10g/l)	Het-shots 65OD, 75OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
108	Cyhalofop-butyl 60g/l + Penoxsulam 10 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 20g/l	Topfull 90SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
109	Cyhalofop-butyl 120g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg	Econogold 170WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
110	Cyhalofop-butyl 50g/l (60g/l), (230g/l), (600g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 10g/l (30g/l), (70g/l), (150g/kg)	Tossup 60SC, 90SC, 300SC, 750WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông

111	Cyhalofop-butyl 50g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 10g/l	Đại tướng quân 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
112	Cyhalofop butyl 75g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l	Shotplus 125SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
113	Cyhalofop butyl 20% + Pyrazosulfuron Ethyl 5% + Quinclorac 30%	Map fanta 550WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
114	Cyhalofop-butyl 200g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Dietcosuper 600WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
115	Cyhalofop butyl 6.0% + Pyribenzoxim 2.5%	Pyanchor gold 8.5EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
116	Cyhalofop butyl 70g/l + Pyribenzoxim 30g/l	ANG-sachco 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
117	Cyhalofop butyl 200g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Super rim 250EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
118	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 500g/kg	CO- 2X 650WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
119	Cyhalofop butyl 150g/kg + Quinclorac 400g/kg	Pitagor 550WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
120	2.4 D (min 96%)	AD 500SL, 600SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		A.K 480SL, 720SL	**720SL:** cỏ/lúa, ngô **480SL:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Aldo 500SL, 800WP, 860SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn

		Amine 720SL	Cỏ/lúa, ngô	Zagro Group, Zagro Singapore Pvt Ltd.
		Aminol super 720SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Anco 500SL, 600SL, 720SL, 860SL	**500SL:** cỏ/lúa gieo thẳng, điều **600SL:** cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng, cỏ/cà phê **720SL, 860SL:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Anhdau 2,4D 80WP	Cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		B.T.C 2.4D 80WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Baton 60EC, 70EC, 720EC, 960WSP	**60EC, 70EC:** cỏ/lúa **720EC:** cỏ/lúa, mía **960WSP:** cỏ/lúa, cao su	Nufarm Asia Sdn Bhd
		Cantosin 600SL, 720SL	Cỏ/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		CO 2.4D 80WP, 500SL, 600SL, 720SL, 860SL	**500SL:** cỏ/lúa **600SL, 80WP:** cỏ/lúa, ngô **720SL:** cỏ/lúa **860SL:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Colaro 600SL	Cỏ/ca cao	Công ty CP Kỹ thuật Dohaleusa
		Damin 80WP, 500SL, 700SL	**80WP, 500SL:** cỏ/lúa gieo thẳng **700SL:** cỏ/lúa	Công ty TNHH An Nông
		DMA - 6 72AC	Cỏ/lúa cấy	Dow AgroSciences B.V

		Ecoupusa 725SL	Cỏ/lúa gieo	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Fullback 720SL	Cỏ/lúa gieo	Công ty CP Lion Agrevo
		Hai bon - D 80WP, 480SL	**80WP:** cỏ/lúa, ngô **480SL:** cỏ/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		HD-co 2,4 500SL	Cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		Lagere 500SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Lycamba 500SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Madive 725SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Ni-2,4D 600SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Oui 600SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		O.K 683SL, 720SL	**683SL:** cỏ/lúa **720SL:** cỏ/ngô, mía	Công ty CP Nông dược HAI
		Pro-amine 48SL, 60SL	**48SL:** cỏ/lúa **60SL:** cỏ/lúa, cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Putra-amine 865SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Rada 80WP, 600SL, 720SL	Cỏ/lúa, ngô	Công ty CP BVTV I TW
		Sanaphen 600SL, 720SL	Cỏ/lúa, mía	Forward International Ltd

		Tancovila 480SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
		Vi 2.4D 80WP, 600SL, 720SL	**80WP:** cỏ/lúa **600SL, 720SL:** cỏ/lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zaap 720SL	Cỏ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Zico 45WP, 48SL, 80WP, 96WP, 520SL, 720SL, 850SL	**48SL, 720SL, 850SL:** cỏ/lúa, ngô **80WP, 96WP:** cỏ/lúa, mía **520SL, 45WP:** cỏ/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
121	Dalapon (min 85%)	Dipoxim 80SP	Cỏ/mía, xoài, vùng đất chưa canh tác	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vilapon 80WP	Cỏ/mía, cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
122	Dicamba (min 97%)	Rainvel 480SL	Cỏ/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
123	Dicamba 3% + Glyphosate 17%	Eputin 20SL	Cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
124	Diuron (min 97%)	Ansaron 80WP, 500SC	**80WP:** cỏ/mía, cà phê, sắn **500SC:** cỏ/mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		BM Diuron 80WP	Cỏ/mía, vùng đất chưa trồng trọt	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		D - ron 80WP	Cỏ/mía, vùng đất không trồng trọt	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Karmex® 80WP	Cỏ/mía, chè, sắn	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Go 80WP	Cỏ/mía	Nufarm Asia Sdn Bhd, Malaysia

		Misaron 80WP	Cỏ/mía, dứa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sanuron 800WP, 800SC	**800WP:** cỏ/mía, cà phê **800SC:** cỏ/bông vải, chè	Forward International Ltd
		Suron 80WP	Cỏ/mía, bông vải	Công ty CP Nông dược HAI
		Trilla plus 80WG	Cỏ/mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Vidiu 80WP	Cỏ/mía, chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
125	Ethoxysulfuron (min 94%)	Canoda 15WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Map salvo 200WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Moonrice 15WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kiên Nam
		Run life 15WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Sun-raise nongphat 15WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Sunrice 15WG	Cỏ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
126	Ethoxysulfuron 20g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/l	Turbo 89OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
127	Ethoxysulfuron 20g/kg + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/kg	T-ptubos 89WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thái Phong
128	Ethoxysulfuron 12.5% + Iodosulfuron-methyl-sodium (min 91%) 1.25%	Sunrice super 13.75WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd. (BVL)
129	Ethoxysulfuron 35 g/l (35g/kg) + MCPA 100g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 15g/l (15g/kg)	Kiss 150EC, 150WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC

130	Ethoxysulfuron 23g/kg + Quinclorac 230 g/kg	Map Top-up 253WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
131	Fenoxaprop-P-Ethyl (min 88%)	anRUMA 6.9EC, 75SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Cawip 7.5SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Challenger 6.9EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sundat (S) PTe Ltd
		Golvips 7.5EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Quip-s 7.5EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Web Super 7.5SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Wipnix 7.5EW	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Whip'S 6.9EC, 7.5EW	**6.9EC:** cỏ/lúa gieo thẳng **7.5EW:** cỏ/lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
132	Fenoxaprop-P-Ethyl 45g/l + 2.4 D 70g/l + MCPA 210g/l	Tiller S EC	Cỏ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
133	Fenoxaprop-P-Ethyl 75g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (150g/kg) + Quinclorac 250g/l (225g/kg) + chất an toàn Fenclorim 50g/l (25g/kg)	Runtop 375SC, 775WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
134	Fenopxaprop-P-Ethyl 130g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 70g/kg + Quinclorac 500g/kg	Topgun 700WG, 700WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.

135	Fenoxaprop-P-Ethyl 8g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Pyan - Plus 5.8EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
136	Flazasulfuron (min 95%)	Voi đỏ 750WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH An Nông
137	Fluazifop-P-Butyl (min 90%)	Fuquy 150EC	Cỏ/sắn	Công ty CP BVTV I TW
		Onecide 15EC	Cỏ/lạc, đậu tương, sắn, bông vải, dưa hấu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Oneness 15EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Sai-one 15EC	Cỏ/lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Uni-Weedout 15EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
138	Flucetosulfuron (min 98%)	Luxo 10WG	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	LG LifeSCiences Ltd.
139	Flufenacet (min 95%)	Tiara 60WP	Cỏ/lúa cấy	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
140	Fomesafen (min 95%)	Gorich 250SL	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Midori 25SL	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
141	Glufosinate ammonium (min 95%)	Basta 15SL	Cỏ/ca cao	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Jiafosina 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Fasfix 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Glu-elong 15SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Nuximsuper 20SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Phú Nông

		Sinate 150SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
		T-p glophosi 15SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
142	Glyphosate (min 95%)	Acdinosat 480SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Agfarme S 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Agri-Up 380SL, 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Amiphosate 480SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Anraidup 480SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Aphosate 41SL	Cỏ/cao su	Asiagro Pacific Ltd
		Banzote 76WG, 480SL	Cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty CP Nông nghiệp HP
		B - Glyphosate 41SL	Cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Bipiphosate 480SL	Cỏ/đất không trọng trọt	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Bizet 41SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Sinon Corporation, Taiwan
		BM - Glyphosate 41SL	Cỏ/cà phê, vùng đất chưa trồng trọt, đất hoang	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		Bn-kocan 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bravo 480SL	Cỏ/vải thiều, cao su, cà phê	Công ty CP BVTV I TW

		Calione 482SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Confron 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Cantosate 480SC	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Lion Agrevo
		Canup 480SL, 600SL, 360SL, 757SG	**480SL:** Cỏ/cà phê, đất không trồng trọt **360SL, 757SG, 600SL:** Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
		Carphosate 16SL, 41SL, 480SL	**16SL:** cỏ/sầu riêng, cà phê, vùng đất không trồng trọt **41SL:** cỏ/chôm chôm, cao su, vùng đất không trồng trọt **480SL:** cỏ/cao su, cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clowdup 480SC	Cỏ/cà phê	Cali - Parimex Inc
		Clean-Up 480SL	Cỏ/điều, cao su	Map Pacific Pte Ltd
		Clear Off 480SL	Cỏ/đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Clymo-sate 410SL, 480SL	**410SL:** cỏ/cao su, đất không trồng trọt **480SL:** cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Clyphosam 480SL	Cỏ/vải	Công ty CP SAM
		Confore 480SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH ADC
		Cosmic 41SL	Cỏ/chè, cây có múi	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Daiwansa 41SL, 480SL, 75.7WG	**41SL:** cỏ/đất không trồng trọt **480SL:** cỏ/cà phê **75.7WG:** cỏ/vải	Công ty CP Futai
		Dibphosate 480SL	Cỏ/quất, vùng đất không trồng trọt	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Dophosate 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Dosate 75.7WG, 480SC	**75.7WG:** cỏ/vải **480SC:** cỏ/cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Dream 480SC	Cỏ/cây có múi, cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Ecomax 41SL	Cỏ/cây cọ dầu, cao su, chè, cà phê	Crop Protection (M) Sdn Bhd
		Encofosat 48SL	Cỏ/cà phê, cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Farm 480SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Galop 410SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Glisatigi 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Gly - Up 480SL	Cỏ/cao su, chè, cà phê, cây có múi, xoài, vùng đất chưa gieo cấy lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Glycel 41SL	Cỏ/cao su, điều	Excel Crop Care Limited
		Glyphadex 360SL, 750SG	**360SL:** cỏ/cây có múi, vùng đất chưa gieo lúa **750SG:** Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Baconco
		Glyphosan 480SL, 757SG	**480SL:** cỏ/cây ăn quả, cà phê **757SG:** Cỏ/cao su	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Glyxim 41SL	Cỏ/cây có múi, chè	Forward International Ltd
		Gly-zet 480SL	Cỏ/đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

		Go Up 480SC	Cỏ/cao su, cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Goodsat 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Grassad 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Grosate 480SC	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH VT NN Tuấn Lâm
		Haihadup 480SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Thần Nông Việt
		Hdphosan 480SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
		Hillary 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Hosate 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
		Helosate 48SL	Cỏ/cây có múi, cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Higlyphosan 480SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Huiup 48SL	Cỏ/cà phê	Huikwang Corporation
		Jiaphosat 41SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kanup 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Việt Thắng
		Ken - Up 160SC, 480SC	**160SC:** cỏ/cà phê, đất hoang **480SC:** cỏ/cây có múi, cao su	Sino Ocean Enterprises Ltd.

		Killer 490SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Kopski 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP VTNN Việt Nông
		Landup 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Nông dược Agriking
		Liptoxim 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Lyphoxim 41SL, 396SL, 75.7WG	**41SL:** cỏ/cao su, chè, vùng đất chưa canh tác **396SL:** cỏ/bờ ruộng lúa **75.7WG:** cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Lyrin 410SL, 480SL, 530SL	**480SL:** cỏ/cây có múi **410SL:** cỏ/cao su **530SL:** cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Mamba 480SL	Cỏ/cao su, cây có múi, vùng đất hoang	Dow AgroSciences B.V
		Markan 480SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Mobai 48SL	Cỏ/cà phê, cao su	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Newsate 480SC	Cỏ tranh, cỏ hỗn hợp/cam, cà phê, đất không trồng trọt	Công ty CP TST Cần Thơ
		Niphosate 160SL, 480SL, 757SG	**160SL:** cỏ/cao su, đất không trồng trọt, đất hoang **480SL:** cỏ/cao su, đất không trồng trọt **757SG:** cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Nicotex
		Nonopul 41SL	cỏ/cao su	FarmHannong Co., Ltd.
		Nufarm Glyphosate 16SL, 41SL, 160SL, 480SL, 600SL	**16SL:** cỏ/cao su, cây có múi **41SL:** cỏ/cà phê, cao su **160SL:** cỏ/cao su, cọ dầu	Nufarm Asia Sdn Bhd

			480SL: cỏ/cây có múi, trang trại, điều, cà phê, cao su **600SL:** cỏ/cao su	
		Nuxim 480SL	Cỏ/cam, đất không trồng trọt	Công ty TNHH Phú Nông
		Partup 480SL	Cỏ/đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Pengan 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Perfect 480SL	Cỏ/cao su, dừa, chè, đất không trồng trọt	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Piupannong 41SL, 360SL, 480SL, 620SL	**41SL, 360SL, 620SL:** cỏ/đất chưa trồng trọt **480SL:** cỏ/đất chưa gieo cấy lúa	Công ty TNHH An Nông
		Raoupsuper 480SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH - TM ACP
		Ridweed RP 480SL	Cỏ/cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Roundup 480SC	Cỏ/cam, cao su, cọ dầu, vùng đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH Dekalb Việt Nam
		Rubbersate 480SL, 757SG	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Shoot 16SL, 41SL, 300SL, 660SL	**16SL, 41SL:** cỏ/cao su, cà phê **300SL, 660SL:** cỏ/cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Sunerin 480SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Sunup 48SL	Cỏ/đất chưa trồng trọt	Sundat (S) Pte Ltd
		Supremo 41SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd

		Tansate 480SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Thanaxim 41SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Thadosate 480SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Thanh Điền
		Tiposat 480SC	Cỏ/cà phê, xoài	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Trangsate 480SC	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tryphosate 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Cây trồng Bình Chánh
		Uni-glystar 41SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Upland 480SL	Cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Weedout 480SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Agritech
		VDC-phosat 480SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Việt Đức
		Vifosat 240SL, 480SL	**240SL:** cỏ/cao su, đất không trồng trọt, cà phê **480SL:** cỏ/cao su, cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Yenphosate 48SL	Cỏ/bưởi	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
143	Glyphosate IPA Salt 13.8% + 2.4 D 13.8%	Gardon 27.6SL	Cỏ/vùng đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Sài Gòn
144	Glyphosate IPA Salt 24% + 2.4 D 12%	Bimastar 360SL	Cỏ/cao su	Nufarm Asia Sdn Bhd, Malaysia

145	Glyphosate IPA salt 360g/l + Metsulfuron methyl 15g/l	Weedall 375SL	Cỏ/cam	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
146	Glyphosate IPA salt 480g/l + Metsulfuron methyl 5g/l	Clear-up super 485SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
147	Glyphosate 37.8% + Oxyfluorfen 2.2%	Phorxy 40WP	Cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty TNHH Trường Thịnh
148	Glyphosate IPA Salt 5g/l + Paraquat 195g/l	Gaxaxone 200SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
149	Glyphosate ammonium (min 95.5%)	Biogly 88.8 SP	Cỏ/cà phê, cao su; trừ cây trinh nữ thân gỗ	Công ty TNHH Nông Sinh
150	Glyphosate trimesium	Hd-Glyphotop 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
151	Glyphosate dimethylamine	Rescue 27SL	Cỏ/cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
152	Glyphosate potassium salt (min 95%)	Genosate 480SL	Cỏ/cam, cà phê	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Glypo-x 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Kiên Giang
		Maxer 660SC	Cỏ/cà phê, thanh long, bưởi, cam, quýt, cao su, đất không trồng trọt, ngô chuyển gen chống chịu thuốc trừ cỏ chứa hoạt chất Glyphosate	Công ty TNHH Dekalb Việt Nam
153	Halosulfuron methyl (min 95%)	Halosuper 250WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, mía, ngô	Công ty TNHH An Nông
154	Haloxyfop-R-Methyl Ester (min 94%)	Gallant Super 10EC	Cỏ/lạc, sắn	Dow AgroSciences B.V

		Uni-Kickdown 10EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
155	Imazapic (min 96.9%)	Cadre 240SL	Cỏ/mía, lạc, lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
156	Imazethapyr (min 97%)	Dzo Super 10SL	Cỏ/lạc, đậu tương, đậu xanh	Map Pacific PTE Ltd
		Rutilan 10SL	Cỏ/lạc	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
157	Imazosulfuron (min 97%)	Quissa 10SC	Cỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
158	Indanofan (min 97%)	Infansuper 150EC	Cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
159	Indaziflam (min 93%)	Becano 500SC	Cỏ/cao su, cam, cà phê, chè	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
160	Isoxaflutole (min 98%)	Merlin 750WG	Cỏ/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
161	Lactofen (min 97%)	Combrase 24EC	Cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
162	MCPA (min 85%)	Tot 80WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
163	Mefenacet (min 95%)	Mecet 50WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
164	Mefenacet 39% + Pyrazosulfuron Ethyl 1%	Fezocet 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
165	Mefenacet 5g/kg (470g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 95g/kg (30g/kg)	Pylet 100WP, 500WP	**100WP:** cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng **500WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Cali - Parimex. Inc.

166	Metamifop (min 96%)	Coannong 200EC	Cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
		Obatop 100EC	Cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Liên Minh Nông Nghiệp Bền Vững
167	Metazosulfuron (min 88%)	Ginga 33WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
168	Metolachlor (min 87%)	Aqual 960EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Dana - Hope 720EC	Cỏ/lạc, ngô, bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Hasaron 720 EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Maestro 960EC	Cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
169	Metolachlor 620g/l + Trifluralin 130g/l	Hypeclean 750EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
170	S -Metolachlor (min 98.3%)	Dual Gold® 960 EC	Cỏ/lạc, ngô, đậu tương, bông vải, mía	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
171	Metribuzin (min 95%)	Sencor 70WP	Cỏ/mía, khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
172	Metsulfuron Methyl (min 93%)	Alliance 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Alyando 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Alyalyaic 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

		Alygold 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Alyrice 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alyrate 200WG	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Alyrius 200WG	Cỏ/lúa cấy, đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Anly Gold 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dany 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		DuPont™ Ally® 20WG	Cỏ/lúa, cao su	DuPont Vietnam Ltd
		Metsy 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Nolaron 20WG	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Long Hiệp
		Soly 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Long Hưng
		Super-Al 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
173	Metsulfuron methyl 7g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 148g/kg	Newrius 155WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
174	Mesotrione (min 97%)	Tik grass 15SC	Cỏ/ngô, mía	Công ty CP XNK Thọ Khang
175	Molinate 327g/l + Propanil 327g/l	Prolinate 65.4EC	Cỏ/lúa	Forward International Ltd

176	Nicosulfuron (min 94%)	Duce 75WG	Cỏ/ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Farich 40SC	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Luxdan 75WG	Cỏ/ngô	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Minarin 500WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		WelkinGold 800WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH An Nông
177	Orthosulfamuron (min 98%)	Kelion 50WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
178	Oxadiargyl (min 96%)	A Safe-super 80WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH BVTV Đại Dương
		Raft® 800WP, 800WG	**800WP:** cỏ/lúa, đậu tương, lạc, hành tây **800WG:** cỏ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
179	Oxadiazon min 94%)	Antaxa 250EC	Cỏ/lạc	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Ari 25EC	Cỏ/ngô, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhoxa 25EC	Cỏ/lúa, lạc, đậu tương	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Canstar 25EC	Cỏ/lạc, lúa sạ khô, hành	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ronata 25EC	Cỏ/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		RonGold 250 EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, lạc, đậu tương	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ronstar 25 EC	Cỏ/lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

180	Oxadiazon 100g/l + Propanil 304g/l	Calnil 404EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
181	Oxaziclomefone (min 96.5%)	Full house 30SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
182	Paraquat (min 95%)	Agamaxone 276SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH TM An Hưng Phát
		Alfaxone 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Axaxone 200SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Cali - Parimex Inc.
		Best top 20SL	Cỏ/đất chưa trồng trọt	Sinon Corporation, Taiwan
		BM - Agropac 25SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Behn Meyer Agcare LLP
		Catoxon TSC 200SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Lion Agrevo
		Cỏ cháy 20SL, 420SL	Cỏ/đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH An Nông
		Domaxon 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Dracofir 42SL	Cỏ/đất không trồng trọt, cà phê	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Exuma 210SL	Cỏ/đất không trồng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Fagon 20SL	Cỏ/cà phê, ngô, đất không trồng trọt	Công ty CP Nông dược HAI
		Fansipan 200SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng

		Forxone 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Forward International Ltd
		Gfaxone 20SL, 40SL	Cỏ/đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH Việt Thắng
		Gfaxon gold 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
		Gramoxone® 20SL	Cỏ trong ruộng, cỏ bờ ruộng/lúa, ngô; cỏ/sắn, mía, cao su, cà phê, đậu tương, điều, khoai lang, đất không trồng trọt, thuốc lá, bông vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Gronmanxone 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Us.Chemical
		Hagaxone 20SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		HD-Gpaxone 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		Heroquat 278SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Jiaquat 20SL	Cỏ/đất chưa trồng trọt	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		K.waka 200SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Lagoote 210SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Lanmoxone 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH SX-TM & DV Thu Loan
		Megastart 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV Gold Ocean

		Nimaxon 20SL, 30SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Nicotex
		Owen 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Para.dx 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Đồng Xanh
		Paranex 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Paraxon 20SL	Cỏ/ngô	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Parato 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH BMC
		Paride 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Kiên Giang
		Pesle 276SL	Cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Power up 275SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Quack-adi 200SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Quash 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Ramaxone gold 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Rapid 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
		Rubvin 276SL	Cỏ/ca cao, đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Thaiponxon 200SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM Thái Phong

		Tungmaxone 20SL	Cỏ/ngô, đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Uniquat 20SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Volcan 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Asia Care Solutions Ltd.
		Zizu 20SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH ADC
183	Pendimethalin (min 90%)	Accotab 330EC	Cỏ/lạc, lúa gieo thẳng; diệt chồi/thuốc lá	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Pendi 330EC	Cỏ/lạc, diệt chồi nách/thuốc lá	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Pendipax 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Vigor 33EC	Cỏ/lúa gieo thẳng, đậu tương, ngô, lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
184	Pentoxazone (min 97%) 250g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (100g/kg)	Kimpton 300SC, 700WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
185	Penoxsulam (min 98.5%)	Clipper 25OD, 240SC	**25OD:** cỏ/lúa gieo thẳng **240SC:** cỏ/lúa gieo thẳng, cỏ/lúa cấy	Dow AgroSciences B.V
186	Penoxsulam 0.01% + Phân NPK 99.8%	Quantum 0.01GR	Cỏ/lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
187	Pretilachlor	Agrofit super 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc.
		Difit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
188	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Dibarim 100 g/l	Sonic 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

189	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Acofit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ansiphit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bigson-fit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ceo 300EC	Cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Chesaco 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH King Elong
		Denofit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Dodofit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Fenpre 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Jiafit 30EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Ladofit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Legacy 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Map - Famix 30EC, 30EW	**30EC:** lúa cỏ/lúa gieo thẳng **30EW:** cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Nôngia-an 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Nichiral 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Rice up 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Sotrafix 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Starfit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Super-kosphit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Supperfit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Tophiz 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
		Trihamex 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Tung rice 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sofit® 300EC	Cỏ, lúa cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Venus 300EC	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vithafit 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vifiso 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Xophicusa 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Xophicloinong 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH US.Chemical
		Xophicannong 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Weeder 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến

190	Pretilachlor 300g/l (360g/l) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (120g/l)	Chani 300EC, 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
191	Pretilachlor 300g/l (342g/kg) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (114g/kg)	Prefit 300EC, 342WP	**300EC:** cỏ/lúa **342WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
192	Pretilachlor 310g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Robin 310EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
193	Pretilachlor 350g/l + chất an toàn Fenclorim 120g/l	Sonata 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
194	Pretilachlor 360 g/l + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Dietmam 360EC	Cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Tanfit 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tomtit 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
195	Pretilachlor 400g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Nanoxofit Super 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
196	Pretilachlor 400g/l + Chất an toàn Fenclorim 120g/l	Accord 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
197	Pretilachlor 500g/l + Chất an toàn Fenclorim 150g/l	Cleanco 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Delta Cropcare
198	Pretilachlor 360g/l (500g/l) + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Wind-up 360EC, 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
199	Pretilachlor 330g/kg + Bensulfuron methyl 40g/kg + chất an toàn Fenclorim 110g/kg	Premium 370WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)

200	Pretilachlor 40% + Pyrazosulfuron Ethyl 1.4%	Trident 41.4 EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
201	Pretilachlor 300 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 15g/l	Novi mars 315EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
202	Pretilachlor 310.5g/l (364.5g/l) + 0.5g/l, (0.5g/l) Pyribenzoxim + Chất an toàn Fenclorim 100g/l (155g/l)	Hiltonusa 311EC, 365EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
	Pretilachlor 1g/l (300g/l), (1g/l) + Pyribenzoxim 51g/l (20g/l), (31g/l)	Hiltonusa 52EC, 320EC, 32EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
203	Pretilachlor 300g/l + Pyribenzoxim 20g/l	Eonino 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Solito® 320 EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
204	Propanil (DCPA) (min 95%)	Map-Prop 50SC	Cỏ/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Propatox 360 EC	Cỏ/lúa	Forward International Ltd
		Bm Weedclean 80WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
205	Propanil 200g/l + Thiobencarb 400g/l	Satunil 60EC	Cỏ/lúa, cỏ/lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
206	Profoxydim (min 99.6%)	Tetris 75EC	Cỏ/lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
207	Propaquizafop (min 92%)	Agil 100EC	Cỏ/vải, lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam

208	Propyrisulfuron (min 94%)	Zeta one 10SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
209	Propisochlor 200g/kg + Pyrazosulfuron ethyl 50g/kg	V-T Rai 250WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
210	Pyrazosulfuron Ethyl (min 97%)	Aicerus 100WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amigo 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Ansius 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Buzanon 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	FarmHannong Co., Ltd.
		Herrice 10WP	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Pyrasus 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Rossiitalia 100WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thôn Trang
		Rus-annong 10WP, 200SC, 700WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Russi 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Saathi 10WP	Cỏ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Silk 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Sirius 10WP, 70WG	Cỏ/lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Sontra 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Star 10WP	Cỏ/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Starius 100WP	Cỏ/lúa cấy	Cali - Parimex. Inc.
		Surio 3WP, 10WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sunriver 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sunrus 100WP, 150SC, 150WP	**100WP:** cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy **150SC, 150WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tungrius 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Virisi 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vu gia 10WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
211	Pyrazosulfuron Ethyl 0.6% + Pretilachlor 34.4%	Parany 35WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
212	Pyrazosulfuron Ethyl 5g/l + Pretilachlor 295g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Parany 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
213	Pyrazosulfuron Ethyl 2.0% + Quinclorac 32.5%	Accura 34.5WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP

214	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg + Quinclorac 220g/kg	Genius 25WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
215	Pyrazosulfuron Ethyl 3% (3%) + Quinclorac 25% (47%)	Sifa 28WP, 50WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
216	Pyrazosulfuron Ethyl 3% + Quinclorac 47%	Nasip 50WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Siricet 50WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
217	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/l + Quinclorac 470g/l	Sunquin 50SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
218	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg (15g/l) + Quinclorac 470g/kg (235g/l)	Fasi 50WP, 250OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.
219	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Ozawa 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
220	Pyrazosulfuron Ethyl 70g/l + Quinclorac 180g/l	Socet 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc.
221	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l + Quinclorac 250g/l	Viricet 300SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
222	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg + Quinclorac 450g/kg	Bomber TSC 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Quinpyrad 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
		Quipyra 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
		Sitafan 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tanrius 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

		Vinarius 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
223	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg + Quinclorac 470g/kg	Andophasi 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Ozawa 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
224	Pyrazosulfuron Ethyl 40g/kg (40g/kg) + Quinclorac 515g/kg (565g/kg)	Famirus 555WP, 605WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
225	Pyribenzoxim (min 95%)	Decoechino 30EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Kenji 30EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
		Pyanchor 3EC, 5EC	**3EC:** cỏ/lúa **5EC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Pysaco 30EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
226	Quinclorac (min 99%)	Adore 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược HAI
		Angel 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Clorcet 50WP, 250SC, 300SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Cali - Parimex. Inc.
		Dancet 25SC, 50WP, 75WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Denton 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ekill 25SC, 37WG, 80WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Facet(R) 25SC	Cỏ/lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.

		Farus 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Fasetusa 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fony 25SC, 300SC, 360SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Forwacet 50WP, 250SC	**50WP:** cỏ/lúa **250SC:** cỏ/lúa gieo thẳng	Forward International Ltd
		Naset 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nomicet 250SC, 500WP	**250SC:** cỏ/lúa gieo thẳng **500WP:** cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Paxen - annong 25SC, 500WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Tancet 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vicet 25SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
227	Quizalofop-P-Ethyl (min 98%)	Broadsafe 200EC	Cỏ/đậu tương	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Cariza 5EC	Cỏ/đậu tương, sắn	Công ty CP Nicotex
		Fagor 50EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Greensun 50EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Hetcocan 5EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Maruka 5EC	Cỏ/sắn, lạc, vừng, đậu tương	Công ty TNHH BMC

		Targa Super 5EC	Cỏ/lạc, sắn, bông vải, đậu tương, vừng, khoai mỡ	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		TT-Jump 5EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM Tân Thành
228	Quizalofop-P-teruryl	Nuxim gold 40EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
229	Sethoxydim (min 94%)	Nabu S 12.5EC	Cỏ/lúa, đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
230	Simazine (min 97%)	Sipazine 80WP	Cỏ/mía, ngô	Forward International Ltd
		Visimaz 80WP	Cỏ/ngô, cây ăn quả	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
231	Tebuthiuron (min 99%)	Tebusan 500SC	Cỏ/mía	Dow AgroSciences B.V
232	Topramezone (min 96%)	Clio 336SC	Cỏ/ngô	BASF Vietnam Co., Ltd
233	Triclopyr butoxyethyl ester	Garlon 250EC	Cỏ/cao su, lúa gieo thẳng, mía	Dow AgroSciences B.V
234	Trifluralin (min 94%)	Triflurex 48EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Adama Việt Nam
4. Thuốc trừ chuột:				
1	Alkaloid (chiết xuất bằng nước từ cây lá ngón)	Dacu-M 0.386GR	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Công nghệ Việt Hóa
2	Brodifacoum (min 91%)	Diof 5DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Klerat® 0.005% Wax block bait, 0.005 pellete	**0.005%Wax block bait:** chuột/nhà, kho tàng, chuồng trại, đồng ruộng, nơi công cộng **0.005 pellete:** chuột trong quần cư, nhà kho	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

		Forwarat 0.05%, 0.005%	Chuột/đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Vifarat 0.005% AB	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Bromadiolone (min 97%)	Antimice 0.006GB	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Bellus 0.005AB	Chuột/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Broma 0.005AB	Chuột/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Cat 0.25WP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Hicate 0.25WP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH SP Công nghệ cao
		Killrat 0.005 Wax block	Chuột/đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Lanirat 0.005GR	Chuột/trang trại, kho tàng, quần cư	Novartis Animal Health Inc.
4	Coumatetralyl (min 98%)	Racumin 0.0375PA, 0.75TP	**0.0375PA:** chuột/ruộng lúa, nhà kho, trang trại **0.75TP:** chuột/đồng ruộng, kho, trang trại	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
5	Diphacinone (min 95%)	Gimlet 800SP	Chuột/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Kaletox 200WP, 500WP, 800WP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Linh miêu 0.5WP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TCT Hà Nội

6	Flocoumafen (min 97.8%)	Coumafen 0.005% wax block	Chuột/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Storm 0.005% block bait	Chuột/đồng ruộng, quần cư	BASF Vietnam Co., Ltd.
7	Sulfur 33% + Carbon	Woolf cygar 33%	Chuột trong hang	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
8	Warfarin	Killmou 2.5DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Ran part 2% DS	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rat K 2% DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rasger 20DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Nông dược QT Nhật Bản
		Rat-kill 2% DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Rodent 2DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
9	Zinc Phosphide (min 80%)	Fokeba 20CP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zinphos 20CP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
5. Thuốc điều hòa sinh trưởng:				
1	α-Naphthyl acetic acid	Acroots 10SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		HQ - 301 Fructonic 1%SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, ngô, cà phê, nho	Cơ sở Nông dược sinh nông, Tp. HCM

2	ANA, 1- NAA + ß-Naphtoxy Acetic Acid (ß-N.A.A) + Gibberellic acid - GA3	Kích phát tố hoa - trái Thiên Nông	Kích thích sinh trưởng/cà phê, lúa, vải, nhãn, đậu, lạc, cà chua, ớt, dưa, bầu bí, cây có múi, bông vải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
3	ATCA 5.0% + Folic acid 0.1%	Samino 5.1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
4	Auxins 11mg/l + Cytokinins 0.031mg/l + Gibberellic 6.0mg/l	KelpakSL	Kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, bắp cải, chè, dưa hấu, cam, nho, cà phê	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
5	Brassinolide (min 98%)	Dibenro 0.15WP, 0.15EC	Kích thích sinh trưởng/lúa, đậu tương, ngô, dưa chuột, hoa cúc, cải xanh, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Cozoni 0.1SP, 0.0075SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Nicotex
		Nyro 0.01SL, 0.1SP	**0.01SL:** Kích thích sinh trưởng/cam, lúa, cải xanh, ớt, xoài **0.1SP:** Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Rice Holder 0.0075SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Chengdu Newsun CropSCience Co., Ltd.
		TT-biobeca 0.1SP	Kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, cà chua	Công ty TNHH TM Tân Thành
6	Brassinolide 2g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Bracylic 152WP	Kích thích sinh trưởng/cải xanh, lúa	Công ty TNHH An Nông
7	Cytokinin (Zeatin)	3 G Giá giòn giòn 1.5WP	Kích thích sinh trưởng/giá đậu xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
		Acjapanic 1.6WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

		Agsmix 0.56SL	Kích thích sinh trưởng/bắp cải, chè	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Agrispon 0.56SL	Kích thích sinh trưởng/bắp cải, lạc, lúa	Cali - Parimex. Inc.
8	Cytokinin 0.1% + Gibberellic 0.05%	Sieutonic 15WG	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á châu
9	Dịch chiết từ cây *Lychnis viscaria*	Comcat 150WP	Kích thích sinh trưởng/chè, nho, nhãn, sắn, cam, dâu tây, vải thiều, xoài, thanh long, dưa hấu, cải bó xôi, bắp cải, cà chua, dưa chuột, bí đao, hành, hẹ, cà rốt, lúa, ngô, đậu tương, phong lan; ức chế bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, giúp lúa phục hồi, tăng trưởng; xử lý hạt giống để điều hòa sinh trưởng/lúa, ngô	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
10	Ethephon (min 91%)	Adephone 2.5PA, 48SL	**2.5PA:** kích thích mủ/cao su **48SL:** kích thích ra hoa/dứa, kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Callel 2.5PA	Kích thích mủ/cao su	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Dibgreen 2.5PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Effort 2.5PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Elephant 5PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Ethrel 10PA, 480SL	Kích thích mủ/cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Forgrow 2.5PA, 5PA, 10PA	Kích thích mủ/cao su	Forward International Ltd
		Kinafon 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Kiên Nam
		Latexing 2.5PC, 5PC	Kích thích mủ/cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd

		Lephon 40SC	Kích thích sinh trưởng/cao su	Công ty TNHH MTV SNY
		Mamut 2.5PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Revenue 25PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sagolatex 2.5PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		TB-phon 2.5LS	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Telephon 2.5LS	Kích thích/mủ cao su; kích thích ra hoa/xoài, nhãn, thanh long, cây cảnh	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
11	Forchlorfenuron (min 97%)	Acura 10SC, 10WG	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
12	Fugavic acid	Siêu to hạt 25SP	Kích thích sinh trưởng lúa, ngô, lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
13	Fulvic acid	Siêu Việt 250SP, 300SL, 700SP	**250SP, 700SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh, cải bó xôi, chè **300SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, đậu xanh, cà phê, cải xanh	Công ty TNHH An Nông
		Supernova 250SP, 300SL, 700SP	**250SP, 700SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh, chè **300SL:** kích thích sinh trưởng/cà phê, đậu xanh, cải ngọt, lúa	Công ty TNHH US.Chemical
14	Gibberellic acid (min 90%)	Ac Gabacyto 50TB, 100SP, 100TB, 200TB, 200WP	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky

		Agrohigh 2SL, 3.8EC, 10SP, 18TB, 20SP, 20TB, 40SP	**2SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, hoa cúc **3.8EC:** kích thích sinh trưởng/chôm chôm **10SP, 20SP, 40SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải **18TB:** kích thích sinh trưởng/cải bó xôi, cà chua, dưa chuột **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ankhang 20WT	Kích thích sinh trưởng/lúa, cà chua, đậu tương, chè, cải bẹ, ngô, dưa chuột	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Arogip 100SP, 200TB	**100SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh **200TB:** kích thích sinh trưởng/cam, đậu côve	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		A-V-Tonic 10WP, 18SL, 20WP, 50TB	**10WP:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, hoa hồng, lúa **18SL:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, lúa, cam **20WP:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, hoa hồng, lúa **50TB:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, hoa hồng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azoxim 20SP	Kích thích sinh trưởng/chè, lúa	Công ty CP Nicotex
		Bebahop 40WP	Kích thích sinh trưởng/cà chua, bắp cải, dưa chuột, hoa hồng, chè, lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
		Colyna 200TB	Điều hòa sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, cà chua, hồ tiêu, vải, chè	Công ty CP Nông dược HAI
		Đầu Trâu KT Supper 100WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dogoc 5TB, 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

		Dovagib 20TB	Kích thích sinh trưởng/sầu riêng, xoài, dưa hấu, nhãn	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Falgro 10SP, 13TB, 18.4TB	**10SP, 13TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, nho, thanh long, dưa hấu, cam, bắp cải, chè **18.4TB:** kích thích sinh trưởng/thanh long, bắp cải, chè, cam, lúa, dưa hấu, nho	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		G3Top 3.33SL, 20TB, 40SG	Kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, dưa hấu, đậu tương, xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		GA_3 Super 50TB, 100TB, 100SP, 200TB, 200WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Gibbeny 10WP, 20TB	**10WP:** kích thích sinh trưởng/dưa chuột **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, rau cải xanh, dâu tây	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Gib ber 0.54SP, 1.5TB, 2SP, 2SL, 4TB, 10SP, 10TB, 20TB, 40WG	**0.54SP, 1.5TB:** kích thích sinh trưởng/lúa **2SP:** kích thích sinh trưởng/rau cần, xoài, cam, dưa hấu **2SL:** kích thích sinh trưởng/rau cần, rau cải, cà chua, chè **4TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, chè, thanh long **10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, xoài **10TB:** kích thích sinh trưởng/chè, hoa hồng **20TB:** kích thích sinh trưởng/rau cải, thanh long **40WG:** kích thích sinh trưởng/cam	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Gibbone 50TB	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Gibgro 10SP, 20TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa **20TB:** kích thích sinh trưởng/rau cải, bắp cải, thanh long	Nufarm Ltd, Australia

		Gibline 10SP, 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Gibta 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Gippo 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH ADC
		Gibow 50TB, 200WP, 200TB	**50TB:** Kích thích sinh trưởng/thanh long **200WP:** Kích thích sinh trưởng/lúa **200TB:** Điều hòa sinh trưởng/thanh long	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Goliath 1SL, 4SL, 10SP, 16TB, 20TB, 20SP, 20WP	**1SL, 4SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu **10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa **16TB, 20TB, 20SP, 20WP:** kích thích sinh trưởng/nho, thanh long, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Greenstar 20EC, 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Highplant 10WP	Điều hòa sinh trưởng lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Kích phát tố lá, hạt Thiên Nông GA - 3	Kích thích sinh trưởng/dâu nuôi tằm, thuốc lá, artiso, cỏ chăn nuôi, rau gia vị, đay, nho, làm giá đậu	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
		Megafarm 50TB, 200WP	**50TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, vải, chè, cà phê, dưa hấu **200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, rau cải, hoa hồng, xoài, cam	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Map-Combo 10WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		NanoGA3 50TB, 100WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		ProGibb 10 SP, 40%SG	**10SP:** kích thích sinh trưởng/chè, lúa, bắp cải, đậu Hà Lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

			40%SG: kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, đậu Hà Lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu	
		Proger 20WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Sitto Mosharp 15SL	Kích thích sinh trưởng/sắn, cà rốt	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Starga3 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Stinut 5SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, đậu đũa, cà chua, dưa chuột, bắp cải, chè, cam quýt, hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Super GA_3 50TB, 100TB, 100SP, 200WP, 200TB	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tony 920 40EC	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè, dưa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tungaba 5TB, 20TB	**5TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, xoài, nhãn **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu côve, cà chua, bắp cải, chè	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vertusuper 1SL, 100SP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
		Vigibb 1SL, 1WP, 16TB, 20TB, 100SP, 200WP	**16TB:** kích thích sinh trưởng/lúa **1SL, 1WP, 20TB, 100SP, 200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, chè, dưa chuột, rau cải	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang

		Vimogreen 1.34SL, 1.34WP, 1.34TB, 10SG, 10TB	**1.34SL:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, nho, lúa **1.34WP:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, cây cảnh, hoa **1.34TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải xanh, cải cúc, nho, phong lan **10SG:** Kích thích sinh trưởng/dưa hấu, lúa, nho, cải xanh, xoài, cà phê, nhãn, quýt **10TB:** Kích thích sinh trưởng/dưa hấu, nho, nhãn, quýt, cải xanh, xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zhigip 4TB	Kích thích sinh trưởng/rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
15	Gibberellic acid (1.8% GA4 + 1.8% GA7)	TT A7 3.6EC	Kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
16	Gibberellic 0.3g/kg (0.5g/l), (0.5g/kg) + [N 10.7g/kg (10.5g/l), (10.5g/kg) + P_2O_5 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + K_2O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng]	Yomione 31GR, 51SL, 51WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
17	Gibberellic acid 0.3g/kg (0.4g/l), (0.4g/kg) + N 10.7g/kg (10.6g/l), (10.6g/kg) + P_2O_5 10g/kg (10g/l), (10g/kg) + K_2O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng	Lucasone 31GR, 41SL, 41WP	Kích thích sinh trưởng/vải	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
18	Gibberellin 10% + Calciumglucoheptonate 6% + Boric acid 2%	Napgibb 18SP	Kích thích sinh trưởng/lúa, bưởi	Công ty TNHH Đồng Bằng Xanh

19	Gibberellic acid 2% + Cu 5% + Zn 5% + Fe 4% + Mg 3% + Mn 1%	Sitto Keelate rice 20SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
20	Gibberellic acid 20g/l + Cu 36g/l + Zn 50g/l + Mg 16g/l + Mn 16g/l + B 1g/l + Mo 1g/l + Glysine amino acid 40g/l	Sitto Give-but 18SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
21	Gibberellic acid 1g/l + NPK 9 g/l + Vi lượng	Lục diệp tố 1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, đậu tương	Viện Bảo vệ thực vật
22	Gibberellic acid 1% + 5% N + 5% P_2O_5 + 5% K_2O + Vi lượng	Super sieu 16SP, 16SL	**16SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, cà chua, đậu côve, bắp cải, chè **16SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, nhãn, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
23	Gibberellic acid 1g/l, (1g/kg) + N 70g/l, (70g/kg) + P_2O_5 25g/l, (25g/kg) + K_2O 25g/l, (25g/kg) + vi lượng	Gibusa 176SL, 176WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
24	Hymexazol (min 98%)	Higro 30WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Tachigaren 30SL	Điều hòa sinh trưởng/lúa, hoa cúc; héo vàng/dưa hấu, chết cây con do nấm/lạc	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
25	Mepiquat chloride (min 98%)	Animat 40SL	Kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Mapix 40SL	Kích thích sinh trưởng/bông vải; điều hòa sinh trưởng lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

26	Nucleotide (Adenylic acid, guanylic acid, cytidylic acid, Uridylic acid)	Anikgold 0.5SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Sunsuper 0.5SL	Kích thích sinh trưởng/vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
27	Nucleotide 0.4 g/kg (0.5g/l) + Humic acid 3.4 g/kg (4g/l)	Subaygold 3.8GR, 4.5SL	**3.8GR:** Kích thích sinh trưởng/chè, dưa chuột, lúa **4.5SL:** Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
28	1-Naphthylacetic acid (NAA)	RIC 10WP	Kích thích sinh trưởng/cà phê; điều hòa sinh trưởng/ chanh dây, cà chua, lúa, quýt, hồ tiêu, hoa hồng, nho	Công ty TNHH DV KH KT Khoa Đăng
29	α-Naphthyl Acetic Acid (α-N.A.A) + β-Naphthoxy Acetic Acid (β-N.A.A)	Vipac 88	dùng để xử lý hạt (ngâm) và dùng để phun cho lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
30	α-Naphthyl Acetic Acid (α-N.A.A) + β- Naphthoxy Acetic Acid (β-N.A.A)	Viprom	Dùng để chiết cành hồ tiêu, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
31	α-Naphthyl Acetic Acid (α-N.A.A) + β-Naphthoxy Acetic Acid (β-N.A.A)	Vikipi	Kích thích sinh trưởng ra hoa, đậu quả/xoài, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
32	β-Naphthoxy Acetic Acid	ViTĐQ 40	Kích thích sinh trưởng, tăng đậu quả/cà chua, nhãn, kích thích tăng đậu quả/điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
33	α-Naphthalene Acetic Acid (α-N.A.A)	HD 207 1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Hợp chất ra rễ 0.1SL	Kích thích ra rễ, giâm cành, chiết cành/cam, hoa hồng	Công ty CP Lion Agrevo
34	α-Naphthalene Acetic Acid (α-N.A.A) + NPK + vi lượng	Flower - 95 0.3SL	Kích thích sinh trưởng/xoài, sầu riêng, nhãn, lúa	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

35	Oligoglucan	Enerplant 0.01WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, cà chua, đậu Hà Lan, dâu tây, chè, mía	Công ty TNHH Ngân Anh
36	Paclobutrazol (min 95%)	Atomin 15WP	Kích thích sinh trưởng/lạc, lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Bidamin 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bonsai 10WP, 25SC	**10WP:** kích thích sinh trưởng/lúa **25SC:** kích thích sinh trưởng/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		BrightStar 25SC	Điều hòa sinh trưởng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Dopaczol 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Kihora 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP DV KT NN TP Hồ Chí Minh
		Lunar 150WP	Kích thích sinh tưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Newbosa 100WP, 150WP, 250SC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Paclo 10SC, 15WP, 15SC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Palove gold 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Parlo 15WP, 25SC, 25WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Paxlomex 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát

		Propac 20WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
		Sài gòn P1 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Stopgrowth 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Super Cultar Mix 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Ngân Anh
		Zuron 150WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
37	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá cây vải *(Litchi chinesis sonn)*	Chocaso 0.11SL	Kích thích sinh trưởng/chè, lúa	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
38	Polyphenol chiết xuất từ cây hoa hòe (*Sophora japonica* L.SChott)	Lacasoto 4SP	Kích thích sinh trưởng/lúa, sắn, đậu tương, khoai lang, khoai tây, ngô, lạc	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
39	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá, vỏ thân cây xoài *(Mangifera indica L)*	Plastimula 1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, dưa chuột, bắp cải, cà chua, cải xanh, đậu tương, ớt, cà rốt, đậu xanh; xử lý hạt giống để tăng sức đề kháng của cây lúa đối với bệnh vàng lùn do virus	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
40	Pyraclostrobin (min 95%)	Headline 100CS, 200FS, 250EC	**100CS:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa **200FS:** Xử lý hạt giống điều hòa sinh trưởng/ngô **250EC:** kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, đậu tương, lạc	BASF Vietnam Co., Ltd
41	Pyraclostrobin 133g/l + Epoxiconazole 50g/l	Opera 183SE	Kích thích sinh trưởng/lạc, cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
42	Sodium-5-Nitroguaiacolate 3g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 6g/l + Sodium-P- Nitrophenolate 9g/l	Atonik 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, hoa, cây cảnh	Công ty TNHH ADC

43	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.9%	ACXONICannong 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ausin 1.8 EC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Forward International Ltd
		Gonik 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Katonic-TSC 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
44	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.2% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.6%	Better 1.2SL	Kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
45	Sodium-O-Nitrophenolate 0.71% + Sodium-P- Nitrophenolate 0.46% + Sodium-5-Nitroguaacolate 0.23%	Alsti 1.4SL	Kích thích sinh trưởng/hoa hồng, lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
46	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.7%	Kithita 1.4SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV I TW
47	Sodium-P-nitrophenolate 9g/l + Sodium-O-nitrophenolate 6g/l + Sodium-5-nitroguaiacolate 3g/l + Salicylic acid 0.5g/l	AGN-Tonic 18.5SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông

48	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.3% + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.9% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.15%	Daiwanron 1.95SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Futai
		Dotonic 1.95SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Jiadonix 1.95SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Litosen 1.95EC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Forward International Ltd
49	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.085% + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.185% + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.285% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.035%	Litosen 0.59GR	Kích thích sinh trưởng/lúa	Forward International Ltd
50	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 3.45g/l + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 6.9g/l + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 10.35g/l + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 1.73g/l	Ademon super 22.43SL	Xử lý hạt giống để kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Dekamon 22.43SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	P.T.Harina Chem Industry Indonesia
51	1-Triacontanol (min 90%)	Tora 1.1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, ngô, ớt	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
52	Uniconazole (min 90%)	Sarke 5WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Stoplant 5WP	Điều hòa sinh trưởng/lúa, lạc	Công ty CP Đồng Xanh

6. Chất dẫn dụ côn trùng:				
1	Methyl Eugenol	Jianet 50EC	Ruồi đục quả/roi, dưa hấu	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
2	Methyl eugenol 75% + Dibrom 25%	Vizubon D	Ruồi đục quả/bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Methyl Eugenol 85% + Imidacloprid 5%	Acdruoivang 900OL	Ruồi đục quả/cây có múi	Công ty TNHH MTV Lucky
4	Methyl Eugenol 75% + Naled 25%	Dacusfly 100SL	Ruồi đục quả/thanh long	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
5	Methyl Eugenol 90% + Naled 5%	Flykil 95EC	Ruồi đục quả/ổi	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
6	Methyl Eugenol 900g/l + Naled 50g/l	T-P Nongfeng 950SL	Ruồi đục quả/nhãn	Công ty TNHH TM Thái Phong
7	Methyl Eugenol 700g/l + Propoxur 100 g/l	Dr.Jean 800EC	Ruồi đục quả/cam	Công ty TNHH US.Chemical
8	Methyl Eugenol 60% + Propoxur 10%	Vizubon-P	Ruồi đục quả/cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
9	Protein thủy phân	Ento-Pro 150SL	Ruồi hại quả/cây có múi, mận, đào, ổi, vải, doi, hồng, thanh long, táo, lê, đu đủ, khế, na, quất hồng bì, mướp, mướp đắng, hồng xiêm, gấc, bí đỏ, trứng gà, bí xanh, cà, ớt	Công ty CP Công nghệ sinh học An toàn Việt Nam
7. Thuốc trừ ốc:				
1	Cafein 1.0% (1.5%) + Nicotine Sulfate 0.2% (0.3%) + Azadirachtin 0.05% (0.08%)	Tob 1.25GR, 1.88GR	**1.25GR:** ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/súp lơ **1.88GR:** ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cải bó xôi	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng

2	Metaldehyde	Andolis 120AB, 150BB, 190BB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anhead 6GR, 12GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Assail 12.5GB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		BN-Meta 18GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bolis 4GB, 6GB, 10GB, 12GB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC
		Bombay - ấn độ 13BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Bosago 12AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Boxer 15 GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Corona 6GR, 80WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Cửu Châu 6GR, 12GR, 15GR, 18GR, 20GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Duba 155GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Helix 10GB, 15GB, 500WP	**10GB, 15GB:** ốc bươu vàng/lúa **500WP:** ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cây cảnh	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Honeycin 6GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		MAP Passion 10GR	Ốc bươu vàng/lúa	Map Pacific PTE Ltd

		Metalix 180AB, 200AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Milax 100GB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Moioc 6GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Molucide 6GB, 80WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Notralis 18GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Octigi 6GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Oxout 60AB, 120 AB, 160AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nam Mekong
		Osbuvang 5GR, 6GR, 12GR, 15GR, 80WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Passport 6AB, 150GR, 180GR, 200GR, 240GR, 300GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Pilot 10AB, 15AB, 17AB, 19AB, 500WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Snail Killer 12RB, 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sneo-lix 6AB, 120AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tatoo 150AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Tomahawk 4GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Toxbait 9AB, 60AB, 120AB, 160AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		T-P odix 120GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		TRIOC annong 6WG, 10WG, 12WG, 50WP, 80WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Trumso 12AB, 222AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tulip 12.5AB, 15AB, 18AB, 215AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Yellow - K 12GB, 250SC	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
3	Metaldehyde 4.5% + Carbaryl 1.5%	Superdan 6GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
4	Metaldehyde 7% + Carbaryl 3%	Mecaba 10GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
5	Metaldehyde 40% + Carbaryl 20%	Kiloc 60WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC
6	Metaldehyde 10% + Niclosamide 20%	MAP Pro 30WP	Ốc bươu vàng/lúa	Map Pacific PTE Ltd
7	Metaldehyde 10g/kg (10g/kg), (10g/kg) + Niclosamide 690g/kg (740g/kg), (790g/kg) +	Capgold 700WP, 750WP, 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
8	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 740g/kg	Pizza 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

9	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide 700g/kg	Radaz 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		TT-occa 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
10	Metaldehyde 6g/kg (50g/kg), (1g/kg), (152g/kg), (1g/l) + Niclosamide 6g/kg (400g/kg), (704g/kg), (1g/kg), (255g/l)	Vịt Đỏ 12BR, 450WP, 705WP, 153GR, 256EW	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
11	Metaldehyde 400g/kg + Niclosamide-olamine 175g/kg	Goldcup 575WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC
12	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide 500g/kg	Starpumper 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
13	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide-olamine 500g/kg	Npiodan 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
14	Metaldehyde 100g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	E-bus 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
15	Metaldehyde 8g/kg + Niclosamide-olamine 880g/kg	Robert 888WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
16	Niclosamide (min 96%)	Ac-snailkill 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội
		Aladin 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông

		Anpuma 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Apple 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Awar 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Baycide 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Bayluscide 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bayoc 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		BenRide 250EC, 700WP, 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Blackcarp 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Boing 250EC, 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Catfish 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Daicosa 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Futai
		Dioto 250EC	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Duckling 250EC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Hn-Samole 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Honor 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hóc Môn

		Jia-oc 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kit - super 700WP	Ốc bươu vàng/lúa, cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Laobv 75WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Miramaxx 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
		Molluska 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Morgan star 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Mossade 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Niclosa 850WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		No-ocbuuvang 50WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Notrasit-neo 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		NP snailicide 250EC, 700WP, 820WP, 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Ốc usa 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		OBV-α 250 EC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Oc clear 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SAM

		Oosaka 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH BMC
		Ockill 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Ossal 500SC, 700WP, 700WG	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Pazol 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Pisana 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Prize 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Sachoc TSC 850WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Sieu naii 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Snail 250EC, 500SC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Sun-fasti 25EC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Sundat (S) Pte Ltd
		Topsami 871WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Transit 750WP, 700WP, 780WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-snailtagold 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tung sai 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vdcsnail new 700WP, 750WP, 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Đức

		Viniclo 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		VT - dax 10GR, 15GR, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Znel 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Eastchem Co., Ltd.
17	Niclosamide 700g/kg (700g/kg) + Abamectin 20g/kg (50g/kg)	OBV gold 720WP, 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
18	Niclosamide 720g/kg + Abamectin 30g/kg	Lino sachoc 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Liên nông Việt Nam
19	Niclosamide 745g/kg + Abamectin 5g/kg	Caport 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
20	Niclosamide 500g/kg + Carbaryl 200 g/kg	Brengun 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
21	Niclosamide 500g/kg (680g/kg) + Carbaryl 200g/kg (22g/kg)	Oxdie 700WP, 702WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
22	Niclosamide-olamine (min 98%)	Amani 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		BN-Nisa 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Chopper 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP VT NN Thái Bình Dương
		Clodansuper 250WP, 500WP, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dioto 830WG	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dobay 810WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành

		Morningusa 870WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Ocny 50WP, 555SC, 760WP, 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Queenly 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Kiên Nam
		Startac 250WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Tanthanh-oc 760WP, 850WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Truocaic 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
23	Niclosamide-olamine 500g/l + Abamectin 20g/l	Cửu Châu Nghệ 520SC	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
24	Niclosamide-olamine 780g/kg + Abamectin 20g/kg	Bayermunich-đức 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
25	Pentacyclic triterpenoids alcaloid	Eclinton 4WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
26	Saponin	Abuna 15GR	Ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cải xanh; ốc nhớt, ốc sên/ cải củ, súp lơ	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Anponin 150GR, 150WP, 210WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asanin 10WP, 15WP, 15GR, 35SL	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Bai yuan 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM - DV Hải Bình

		Dibonin super 5WP, 15WP	Ốc bươu vàng/lúa; ốc sên, ốc nhớt/cải xanh	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Espace 5WP, 15WP, 19.6BR, 21.5BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Golfatoc 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty Cổ phần Nông dược Việt Nam
		Maruzen Vith 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thăng
		Morgan 200BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Nomain 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Occa 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		O.C annong 150WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ốc tiêu 15GR	Ốc bươu vàng/lúa; ốc sên, ốc nhớt/cải xanh	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Parsa 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Pamidor 50WP, 150BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV SX TM XNK Hung Xiang (Việt Nam)
		Phenocid 20WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
		Raxful 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Rumba 15BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong

		Sabonil 15GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Hóa nông An Giang
		Safusu 20AP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Long Sinh
		Sapo 150WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sapoderiss 15%BR, 70%BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Phước Hưng
		Saponolusa 150BR, 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Saponular 15GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Soliti 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Super Fatoc 150WP, 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Teapowder 150BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Thiocis 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty Cổ phần Hóa nông Mỹ Việt Đức
		Tranin super 18WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
27	Saponin 149.5 g/kg+ Azadirachtin 0.5 g/kg	Viking 150BR, 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Tâm
28	Saponin 5%+ Cafein 0.5% + Azadirachtin 0.1%	Dietoc 5.6GR	Ốc bươu vàng/lúa, ốc sên/cải bó xôi	Công ty TNHH Voi Trắng
29	Saponin 30 g/kg + Cafein 6g/kg + Azadirachtin 1g/kg	Ovadan 37GR	Ốc bươu vàng/lúa, ốc sên/rau cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

30	Saponin 145g/kg (g/l) + Rotenone 5g/kg (g/l)	Sitto - nin 15BR, 15SL	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
8. Chất hỗ trợ (chất trải):				
1	Azadirachtin	Dầu Nim Xoan Xanh Xanh 0.15EC	Hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ bọ cánh tơ, rầy xanh/chè; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu tơ/cải bắp; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Ngân Anh
2	Chất căng bề mặt 340g/l + dầu khoáng 190g/l + Ammonium sulphate 140g/l	Hot up 67SL	Làm phụ trợ cho nhóm thuốc trừ cỏ sau nảy mầm không chọn lọc; làm tăng hiệu quả diệt cỏ	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
3	Esterified vegetable oil	Hasten® 70.4SL	Tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ cỏ chọn lọc sau nảy mầm/lúa thuộc nhóm sulfonyl urea, cyclohexanedion, bipyridilium; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ sâu thuộc nhóm pyrethroid, carbamate; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ bệnh/cây trồng thuộc nhóm triazole.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Rocten 74.8SL	Tăng hiệu quả của thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên cây lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
4	Esters of botanical oil	Subain 99SL	Hỗ trợ thuốc trừ sâu nhóm: Carbamate (rầy nâu/lúa), Lân hữu cơ (sâu cuốn lá/lúa), Pyrethroid (sâu xanh/rau cải); hỗ trợ thuốc trừ bệnh nhóm: Triazole (khô vằn/lúa); hỗ trợ thuốc trừ cỏ nhóm: Sulfonyl urea (cỏ/lúa)	Công ty CP BVTV Đa Quốc Gia
5	Trisiloxane ethoxylate	Enomil 30SL	Hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ	Công ty CP Enasa Việt Nam
II. THUỐC TRỪ MỐI:				
1	Beta-naphthol 1% + Fenvalerate 0.2%	Dầu trừ mối M-4 1.2SL	Trừ mối trong kho bảo quản gỗ	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

2	Bistrifluron (min 95%)	Xterm 1%	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
3	Chlorfenapyr (min 94%)	Mythic 240SC	Mối/công trình xây dựng	BASF Vietnam Co., Ltd.
4	Chlorfluazuron (min 94%)	Requiem 1 RB	Mối/công trình xây dựng	Ensystex Australasia Pty Ltd.
5	Chlorpyrifos Ethyl (min 94%)	Fugosin 500EC	Mối/công trình xây dựng	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Lenfos 50 EC	Mối/công trình xây dựng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Landguard 40EC	Mối/công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
		MAP Sedan 48EC	Mối/công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
		Termifos 500EC	Mối/công trình xây dựng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
6	Disodium Octoborate Tetrahydrate	Bora-Care 40SC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH TM DV Toàn Diện
7	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	$Wopro_2$ 10FG	Mối/công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
8	Fipronil (min 95%)	Agenda 25EC	Mối/công trình xây dựng, đê đập	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Mote 30EC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Terdomi 25EC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Tefurin 25EC	Mối/công trình xây dựng	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Termisuper 25EC	Mối/công trình xây dựng	Công ty CP Khử trùng - Trừ mối Việt Nam

9	Hexaflumuron (min 95%)	Mobahex 7.5 RB	Mối/công trình xây dựng	Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình
		Sentricon™ HD 0.5RB	Mối/công trình xây dựng	Dow AgroSciences B.V
10	Imidacloprid (min 96%)	Termize 200SC	Mối/công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
11	*Metarhizium anisopliae* var. *anisopliae (*M2 & M5 10^8 - 10^9 bào tử/g), (M1 & M7 10^8 - 10^9 bào tử/ml)	Metavina 10DP, 80LS	**10DP:** mối/đê, đập, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, nhà cửa, kho tàng **80LS:** mối/đê, đập	Công ty CP Công nghệ Sinh Thái Việt
12	Permethrin (min 92%)	Map boxer 30EC	Mối/công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
13	Na_2SiF_6 50% + HBO_3 10% + $CuSO_4$ 30%	PMC 90DP	Mối hại cây lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
14	Na_2SiF_6 80% + $ZnCl_2$ 20%	PMs 100CP	Mối hại nền móng, hàng rào quanh công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN:				
1	Chlorothalonil 45% + Carbendazim 10%	KAA-Antiblu CC 55SC	Trừ nấm để bảo quản gỗ	Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam
2	Cypermethrin (min 90%)	KAntiborer 10EC	Mọt/gỗ	Behn Meyer Specialty Chemical Sdn Bhd.
3	Deltamethrin (min 98%)	Cease 2.5EC	Mọt/gỗ	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Cislin 2.5EC	Mọt/gỗ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
4	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	$Wopro_1$ 9AL	Mối/gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

5	$CuSO_4$ 16% + CuO 2% + $K_2Cr_2O_7$ 2%	M_1 20LA	Con hà hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
6	$CuSO_4$ 80% + $K_2Cr_2O_7$ 18% + CrO_3 2%	CH_G 100SP	Con hà, nấm mục hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
7	$CuSO_4$ 50% + $K_2Cr_2O_7$ 50%	XM_5 100SP	Nấm, mục, côn trùng hại tre, gỗ, song, mây	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
8	$ZnSO_4.7H_2O$ 60% + NaF 30%	LN_5 90SP	Nấm, mục, côn trùng hại gỗ sau chế biến, song, mây, tre	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
IV. THUỐC KHỬ TRÙNG KHO:				
1	Aluminium Phosphide	Alumifos 56% tablet	Khử trùng kho	Asiagro Pacific Ltd
		Celphos 56% tablets	Sâu mọt hại kho tàng	Excel Crop Care Limited
		Fumitoxin 55% tablets	Côn trùng hại nông sản, nhà kho, phương tiện chuyên chở	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Mephos 56 TB	Côn trùng/nông sản	Mebrom Ltd
		Phostoxin 56% viên tròn, viên dẹt	Côn trùng, chuột hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Quickphos 56%	Sâu mọt hại kho tàng, nông sản	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sanphos 56TB	Mọt gạo/kho	Công ty CP Trừ mối khử trùng
2	Deltamethrin (min 98%)	K - Obiol® 25WP, 10SC, 10ULV	Sâu mọt hại kho tàng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
3	Magnesium phosphide	Magtoxin 66 tablets, pellet	Sâu mọt hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam

4	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Actellic® 50EC	Sâu mọt hại kho tàng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
V. THUỐC SỬ DỤNG CHO SÂN GOLF.				
1. Thuốc trừ bệnh:				
1	Metalaxyl-M	Subdue Maxx® 240SL	Héo rũ tàn lụi/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Propiconazole (min 90%)	Banner Maxx® 156EC	Đốm nâu/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ cỏ:				
1	Trifloxysulfuron sodium (min 89%)	Monument® 100OD	Cỏ/sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3. Thuốc điều hòa sinh trưởng:				
1	Trinexapac-Ethyl (min 94%)	Primo Maxx® 120SL	Điều hòa sinh trưởng/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
VI. THUỐC XỬ LÝ HẠT GIỐNG				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Dinotefuran 25% + Hymexazol (min 98%) 15%	Sakura 40WP	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
2	Fipronil 100g/l + Azoxystrobin 100g/l + Gibberellic acid 1g/l	Treat 201SC	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
3	Imidacloprid (min 96%)	Barooco 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Gaucho 70WS, 600FS	**70WS:** Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ, ruồi/lúa; Xử lý hạt giống trừ sâu chích hút bông vải; Xử lý hạt giống trừ sâu trong đất/ngô **600FS:** Xử lý hạt giống trừ rệp/bông vải, Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

		Gaotra 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
4	Imidacloprid 25% (300g/l) + Carbendazim 10% (20g/l) + Thiram 5% (120g/l)	Enaldo 40FS, 440FS	**40FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh chết cây con/lạc **440FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP ENASA Việt Nam
5	Imidacloprid 300g/kg + Metconazole 360g/kg	Kola gold 660WP	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH ADC
		Obawin 660WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
6	Imidacloprid 370g/l + Metconazole 300g/l	London-anh quốc 670FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
7	Thiamethoxam (min 95%)	Cruiser® 350FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy xanh, rệp/bông vải; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
8	Thiamethoxam 300g/l + Azoxystrobin 50g/l + Prochloraz 62.5g/l	Pre-pat 412.5FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
9	Thiamethoxam 250g/l + Difenoconazole 75g/l	Anrusher 325FS	Rầy nâu/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
10	Thiamethoxam 262.5g/l + Difenoconazole 25g/l + Fludioxonil 25g/l	Cruiser Plus® 312.5FS	Xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô, bệnh lúa von/lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lở cổ rễ cây con/đậu tương, xử lý hạt giống trừ bệnh chết ẻo cây con/lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
11	Thiamethoxam250g/l + Difenoconazole 25g/l + Thiophanate Methyl 75g/l	Cuisơ super 350SC	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH An Nông

2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Carbendazim 250g/l + Imidacloprid 250 g/l + Thiram 100g/l	Doright 600FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
2	Fludioxonil (min 96.8%)	Celest 025FS	Lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	Ipconazole (min 95%)	Jivon 6WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
4	Isotianil (min 96%)	Routine 200SC	Đạo ôn/lúa (xử lý hạt giống), bạc lá/lúa, héo xanh/ cà chua	Bayer Vietnam Ltd
5	Metconazole (min 94%)	Provil super 10SL	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
6	Metalaxyl-M	Apron® XL 350ES	Xử lý hạt giống trừ bệnh mốc sương (bạch tạng)/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
7	Metiram complex 650g/kg + Thiamethoxam 150g/kg	Biwonusa 800WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
8	Pefurazoate (min 94%)	Fortissimo 20WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
9	Tebuconazole (min 95%)	Foniduc 450SC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Sforlicuajapane 450SC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
10	Triflumizole (min 99.38%)	Trifmine 15EC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM, BỔ SUNG MÃ SỐ HS ĐỐI VỚI MỘT SỐ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI PHỤ LỤC 02 THÔNG TƯ SỐ 24/2017/TT-BNNPTNT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản		
1	Aldrin	Aldrex, Aldrite…
2	BHC, Lindane	Beta - BHC, Gamma - HCH, Gamatox 15EC, 20EC, Lindafor, Carbadan 4/4G, Sevidol 4/4G
3	Cadmium compound (Cd)	Cadmium compound (Cd)
4	Carbofuran	Kosfuran 3GR, Vifuran 3GR, Sugadan 30GR, Furadan 3GR
5	Chlordane	Chlorotox, Octachlor, Pentichlor...
6	Chlordimeform	Các loại thuốc BVTV có chứa Chlordimeform
7	DDT	Neocid, Pentachlorin, Chlorophenothane...
8	Dieldrin	Dieldrex, Dieldrite, Octalox...
9	Endosulfan	Cyclodan 35EC, Endosol 35EC, Tigiodan 35ND, Thasodant 35EC, Thiodol 35ND
10	Endrin	Hexadrin...
11	Heptachlor	Drimex, Heptamul, Heptox…
12	Isobenzen	Các loại thuốc BVTV có chứa Isobenzen
13	Isodrin	Các loại thuốc BVTV có chứa Isodrin

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
14	Lead (Pb)	Các loại thuốc BVTV có chứa Lead (Pb)
15	Methamidophos	Dynamite 50SC, Filitox 70SC, Master 50EC, 70SC, Monitor 50EC, 60SC, Isometha 50 DD, 60 DD, Isosuper 70 DD, Tamaron 50 EC...
16	Methyl Parathion	Danacap M 25, M 40; Folidol - M 50EC; Isomethyl 50ND; Metaphos 40EC, 50EC; (Methyl Parathion) 20EC, 40EC, 50EC; Milion 50EC; Proteon 50EC; Romethyl 50ND; Wofatox 50 EC ...
17	Monocrotophos	Apadrin 50SL, Magic 50SL, Nuvacron 40SCW/DD, 50SCW/DD, Thunder 515DD...
18	Parathion Ethyl	Alkexon , Orthophos , Thiopphos...
19	Sodium Pentachlorophenate monohydrate	Copas NAP 90G, PMD_4 90 bột, PBB 100 bột
20	Pentachlorophenol	CMM 7 dầu lỏng
21	Phosphamidon	Dimecron 50SCW/DD...
22	Polychlorocamphene	Toxaphene, Camphechlor
		Strobane
23	Trichlorfon (Chlorophos)	Biminy 40EC, 90SP; Địch Bách Trùng 90SP; Dilexson 90WP; Dip 80SP; Diptecide 90WP; Terex 50EC, 90SP; Medophos 50EC, 750EC; Ofatox 400EC, 400WP; Batcasa 700EC; Cylux 500EC; Cobitox 5GR
Thuốc trừ bệnh		
1	Arsenic (As)	Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng lỏng)
		Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng khác)
2	Captan	Captane 75WP, Merpan 75WP...
3	Captafol	Difolatal 80WP, Folcid 80WP... (dạng bình xịt)
		Difolatal 80WP, Folcid 80WP... (dạng khác)
4	Hexachlorobenzene	Anticaric, HCB... (dạng bình xịt)
		Anticaric, HCB... (dạng khác)

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
5	Mercury (Hg)	Các hợp chất của thủy ngân (dạng bình xịt)
		Các hợp chất của thủy ngân (dạng khác)
6	Selenium (Se)	Các hợp chất của Selen
Thuốc trừ chuột		
1		Hợp chất của Tali (Talium compond (Tl))
Thuốc trừ cỏ		
1	2.4.5 T	Brochtox, Decamine, Veon… (dạng bình xịt)
		Brochtox, Decamine, Veon… (dạng khác)

2. Bổ sung mã số HS đối với một số thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

TT	MÃ HS	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	MÃ HS	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản				
1	293299.10	Carbofuran	293299.10	Kosfuran 3GR, Vifuran 3GR, Sugadan 30GR, Furadan 3GR
2	380891.90	Trichlorfon (Chlorophos)	380891.90	Biminy 40EC, 90SP; Địch Bách Trùng 90SP; Dilexson 90WP; Dip 80SP; Diptecide 90WP; Terex 50EC, 90SP; Medophos 50EC, 750EC; Ofatox 400EC, 400WP; Batcasa 700EC; Cylux 500EC; Cobitox 5GR

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng